

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 03/12/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CLO+TD1+CI	7:25	5+0+17	0+0+0		0+4+18	0+0+0	
2		PVD2+P9+P11	7:25	21+1+0	0+0+0		15+6+0	0+0+0	chuyen 1 p8- p11
3		MRM+CI+BK5	7:25	2+17	0+0		1+20+1	0+0	
4		BK6+P2+PVD2	9:25	5+8+8	0+0+0		0+11+11	0+0+0	
5		AMD+HST+TTC1	9:25	20+2+0	0+0+0		17+1+4	0+0+0	chuyen 1 AMD- HST
6		TTC2+P8+P2	9:25	0+4+12	0+0+0		5+0+17	0+0+0	chuyen 1 ttc2- p8
7		AMD+P2+BK10	11:25	8+6+0	0+0+0		0+6+9	0+0+0	H5 BO,THEM P2

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/12/2020	TO: CLO - TD1 - CLI	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:32
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: ATUÁN - QViệt - QTrường	ETA: 09:10
XANH-1			

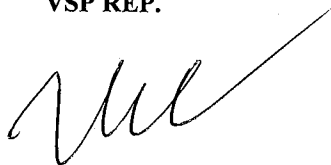
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRƯƠNG QUỐC THĂNG	CLO	79	1	15		80	DVL	Vietnamese
2	MESHKOV M.Y	CLO	80	1	14		80	DVL	Russian
3	PHAN ĐĂNG TUÂN	CLO	81	1	9		60	DVL	Vietnamese
4	VŨ VĂN NAM	CLO	70	1	13		62	DVL	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN NAM (CN)	CLO	71	1	13		72	DVL	Vietnamese
6	NGUYỄN CÔNG LAM	CLI	94-95	2	8	55	75	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ VĂN DÂN	CLI	91-92	2	14		66	KH-THAC	Vietnamese
8	DUCHENKO A.L.	CLI	85	1	5		129	KH-THAC	Russian
9	KHAVANJAN R.I.	CLI	86-87	2	9		75	KH-THAC	Russian
10	HUYNH KIM KHANH	CLI	300	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI VIỆT PHƯƠNG	CLI					80	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN NAM KHANH	CLI	93	1	8		90	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC THĂNG	CLI	96	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN CÔNG SOAI	CLI	84	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN THAM	CLI	81	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC DŨNG	CLI	75	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	CHU VĂN VƯƠNG	CLI	82-83	2	10		66	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HAI DƯƠNG	CLI	88-89	2	8		81	KH-THAC	Vietnamese
19	MAI QUỐC HÙNG	CLI	80	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN VŨ	CLI	05	1	2		60	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN VĂN TUÂN	CLI	90	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
22	VŨ LAM ĐIỀN	CLI	97-99	3	17		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

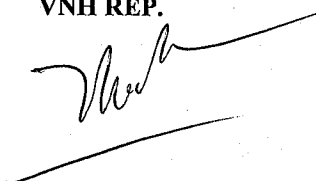
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	5	5	64	354	0	0		
2	TD1	0	0	0	0	0	4		
3	CLI	17	23	121	1.296	55	18		
TOTAL		22	28	185	1.650	55	22		
WEIGHT KG				185	1.650	55			

GRAND TOAL: 1.890 KGS

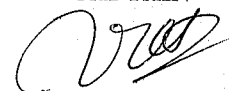
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: PVD2 - P9 - P11	CREW: VThắng - VLinH - THỤ	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN TIEN	PVD2	71	1	7		66	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN KHAC QUYET	PVD2	98	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
3	DANG XUAN HUYNH	PVD2	91	1	4		82	KHOAN	Vietnamese
4	TU DUONG VAN	PVD2	93	1	6		82	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN NINH GIANG	PVD2	96-97	2	15		90	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN VAN TRONG	PVD2	95	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
7	DO DANG DUY	PVD2	90	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN DAC KIM	PVD2	92	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG TRONG QUYNH	PVD2	69	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
10	VO KHAC NAM	PVD2	94	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN XUAN NINH	PVD2	72	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN TIEN VINH	PVD2	75	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
13	LE MANH HIEN	PVD2	5000	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN ANH TUAN	PVD2	99	1	11		74	KHOAN	Vietnamese
15	PHAN DUC THIEN	PVD2	66	1	9		63	KHOAN	Vietnamese
16	DANG QUOC THAI	PVD2	68	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN CAO TUAN	PVD2	67	1	4		55	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN DUY LONG	PVD2	74	1	7		68	KHOAN	Vietnamese
19	PHAN VAN KHOA	PVD2	89	1	5		53	KHOAN	Vietnamese
20	NGO VAN TIEN	PVD2	73	1	5		50	KHOAN	Vietnamese
21	TRUONG VAN NGUYEN	PVD2	70	1	5		50	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	21	22	137	1.414	0	15		CHUYEN 1 PAX TU P9 SANG P11
2	P9	0	0	0	0	0	6+1		
3	P11	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		21	22	137	1.414	0	21		
WEIGHT KG				137	1.414	0			

GRAND TOAL: 1.551 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: MRM - CLI - BK5	CREW: HUNG - Dương - DTùng	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DO VAN NAM	MRM	33	1	7	127	84	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN DINH HAI	MRM	34	1	12		73	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG DINH HUAN	CLI	52	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
4	LE DINH KHOA	CLI	60-61	2	14		76	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG MANH THANG	CLI	62	1	9		67	KH-THAC	Vietnamese
6	TRINH TIEN BINH	CLI	56	1	10		92	KH-THAC	Vietnamese
7	DINH THE ANH	CLI				18	76	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐANG MINH TAM	CLI	58-59	2	7		63	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TAN HAU	CLI					66	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN TRONG NGAN	CLI	53	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐOAN MINH DUY	CLI	54	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN BINH	CLI	51	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG TRONG CHUNG	CLI	55	1	7		83	KH-THAC	Vietnamese
14	TÀ THANH QUANG	CLI	47	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
15	HỒ TRUNG QUAN	CLI	57	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN BÌNH THUẬN	CLI	64	1	7		65	ANTOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN SỸ HƯA	CLI	38-39	2	17		60	T-TIN	Vietnamese
18	NGUYỄN XUÂN THU	CLI	36-37	2	17		60	T-TIN	Vietnamese
19	VUONG DUC HUY	CLI	43	1	10		97	PSV	Vietnamese
20	VU HUU TRUONG	CLI	42	1	4		70	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN HONG DUONG	CLI	40	1	6		52	PSV	Vietnamese
22	LE CAO HAI	CLI	41	1	6		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	2	2	19	157	127	1		
2	CLI	20	22	145	1,414	18	20		
3	BK5	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	24	164	1,571	145	22		
WEIGHT KG				164	1,571	145			

GRAND TOAL: 1.880 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/12/2020	TO: BK6 - P2 - PVD2	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: QViệt - CHIẾN - QTrưởng	ETA: 11:20
TRANG-2			

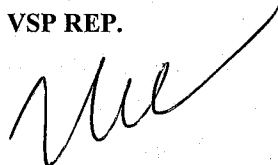
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRINH HUU CAN	BK6	11	1	15		75	KH-THAC	Vietnamese
2	VU VIET HUAN	BK6	10	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG THAI VIET	BK6	08	1	8		72	DVL	Vietnamese
4	VU TRUONG GIANG	BK6	09	1	12		69	DVL	Vietnamese
5	NGUYEN MINH THAO	BK6	07	1	15		70	DVL	Vietnamese
6	DUONG DAI THANG	P2	71	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN HOAI BAO	P2	70	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN SON	P2	69	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN PHUONG	P2	74	1	3	95	70	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM LE DUONG	P2	73	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN GIANG	P2					57	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG NGOC TRUONG	P2	75	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN MANH THANG	P2	72	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
14	KHONG TIEN DUNG	P2	82	1	5		75	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN VAN LINH	PVD2	58	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
16	PHAM QUYET THANG	PVD2	55-56	2	10		52	KHOAN	Vietnamese
17	LY MINH THONG	PVD2	61	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN QUOC HUY	PVD2	59	1	10		54	KHOAN	Vietnamese
19	TRINH VAN HA	PVD2	57	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
20	TRAN KHAC HOP	PVD2	60	1	10		77	KHOAN	Vietnamese
21	VO THANH DOAN	PVD2	51-52	2	15		72	KHOAN	Vietnamese
22	DUONG KHANH HOANG	PVD2	53-54	2	15		84	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

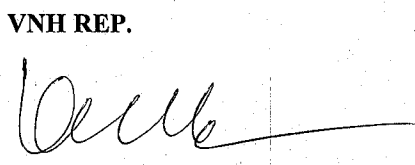
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK6	5	5	60	356	0	0		
2	P2	9	8	37	649	95	11		
3	PVD2	8	11	75	561	0	11		
TOTAL		22	24	172	1.566	95	22		
WEIGHT KG				172	1.566	95			

GRAND TOAL: 1.833 KGS

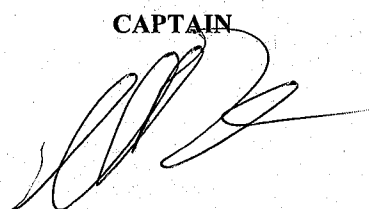
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:45
FLIGHT: 05	TO: AMD - HST - TTC1	CREW: VThắng - VLinH - THỤ	ETA: 11:25
HONG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ THANH HẢI	AMD	16	1	6		90	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN CÔNG DŨNG	AMD	10-11	2	9		72	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM NGỌC TUẤN	AMD	09	1	4		59	KH-THAC	Vietnamese
4	DƯƠNG CÔNG TÂN	AMD	13	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
5	HUYNH PHÚC ẨM	AMD	12	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG VĂN SAU	AMD	17	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN NGHIỆP	AMD	01	1	9		62	KH-THAC	Vietnamese
8	TÀNG XUÂN HẢI	AMD	02	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN HIẾU	AMD	07	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ANH DŨNG	AMD	05-06	2	7		68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	AMD	100	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN PHƯƠNG	AMD	15	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ANH KHOA	AMD	98-99	2	10		51	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ PHAN NGỌC CHÂU	AMD	08	1	10		90	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN DÂN	AMD	03-04	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM THẾ PHONG	AMD	62	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
17	DƯƠNG MẠNH PHÚ	AMD	19	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN CAO TANG	AMD	63	1	4		74	PSV	Vietnamese
19	ĐỖ VĂN QUANG	AMD	18	1	3		67	PSV	Vietnamese
20	THAN CANH THỊNH	HST	26-27	2	11		70	TLJOC	Vietnamese
21	TRẦN THANH QUANG	HST	25	1	10		75	TLJOC	Vietnamese
22	LÊ MINH THUẬN	HST	23-24	2	15		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	19	23	133	1.295	0	17	1	CHUYỂN 1 PAX AMD SANG HST
2	HST	3	5	36	212	0	1		
3	TTC1	0	0	0	0	40	4		
TOTAL		22	28	169	1.507	40	22		
WEIGHT KG				169	1.507	40			

GRAND TOAL: 1.716 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
FLIGHT: 06	TO: TTC2 - P8 - P2	CREW: HÙNG - Dương - DTùng	ETA: 11:30
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐÀO ĐÌNH CƯỜNG	P8	28	1	15		80	XAYLAP	Vietnamese
2	PHẠM VĂN THOONG	P8	29-30	2	19		57	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN KHÁC QUÝ	P8	31	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN PHƯỚC	P8	91	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG CƯỜNG	P2	16	1	4	50	65	KH-THAC	Vietnamese
6	TRƯƠNG TRI DUNG	P2	20	1	8	27	65	KH-THAC	Vietnamese
7	LUƠNG VĂN TĂNG	P2	17	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TUẤN ANH	P2	21	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN GIA CHUNG	P2	519	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
10	PHÙNG PHÚ SỬA	P2	520	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	P2					62	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN MẠNH CHIẾN	P2	19	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐINH VĂN HAI	P2	24-25	2	10		57	KH-THAC	Vietnamese
14	LÂM TRỌNG ĐẠI	P2	521-522	2	20		56	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN HÀ	P2	18	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM VĂN GIANG	P2	523	1	4		58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	0	0	0	0	40	5		CHUYEN 1 PAX TTC2 SANG P8
2	P8	4	5	54	277	0	0		
3	P2	12	13	75	755	77	17		
TOTAL		16	18	129	1.032	117	22		
WEIGHT KG				129	1.032	117			

GRAND TOAL: 1.278 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 03/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:50
FLIGHT: 07	TO: AMD - P2 - BK10	CREW: QViệt - CHIẾN - NNam	ETA: 13:30
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ CÔNG VIỆT	AMD	55	1	4		55	PSV	Vietnamese
2	LÊ ĐẮC ĐÔNG	AMD	52-53	2	6		54	PSV	Vietnamese
3	NGUYEN HUU BINH	AMD	56	1	6		57	PSV	Vietnamese
4	NGUYEN LAM THANG	AMD	51	1	5		88	PSV	Vietnamese
5	NGO TRUNG KIEN	AMD	48-50	3	17		60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN TRUONG	AMD	57	1	4		72	PSV	Vietnamese
7	TRAN NGOC BINH	AMD	54	1	5		70	PSV	Vietnamese
8	BUI NGOC CU	P2	86	1	5		71	OMSC	Vietnamese
9	BUI VAN TUAN	P2	64	1	8		73	KHI	Vietnamese
10	DOAN THANH TRUONG	P2	84	1	8		45	KHI	Vietnamese
11	HOANG CAO CUONG	P2	58	1	10		65	KHI	Vietnamese
12	LE DINH HUNG	P2	61	1	10		47	KHI	Vietnamese
13	LE VAN TAY	P2	87-88	2	12		67	OMSC	Vietnamese
14	MAI VAN THIN	P2	57	1	6		61	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN HUU HOANG	P2	62	1	5		58	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN VAN CANH	P2	83	1	6		50	OMSC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN DUY	P2	63	1	5		63	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN VAN TUYEN	P2	59	1	12		55	KHI	Vietnamese
19	NGUYEN XUAN NHAC	P2	60	1	8		71	KHI	Vietnamese
20	DANG VAN VIET	P2	85	1	6		62	OMSC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	7	10	47	456	0	6		
2	P2	13	14	101	788	0	0		
3	BK10	0	0	0	0	35	9		
TOTAL		20	24	148	1.244	35	15		
WEIGHT KG				148	1.244	35			

GRAND TOAL: 1.427 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 04/12/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P1+VSP02+RP1	7:25	9+8+0	0+0+0		9+9+2	0+0+0	

TTDBSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 04/12/2020	TO: P1 - VSP02 - RP1	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Hồi - NPhú - Luy	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG ANH TINH	P1	24	1	11	14	71	XAYLAP	Vietnamese
2	TRAN DUC THANG	P1	32	1	15		69	XAYLAP	Vietnamese
3	BUI QUANG CONG	P1	33-34	2	18		72	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN VAN AI	P1	29	1	7	15	56	XAYLAP	Vietnamese
5	BUI CONG DINH	P1	27	1	8	14	105	XAYLAP	Vietnamese
6	VO HOANG LAM	P1	25-26	2	17		66	XAYLAP	Vietnamese
7	VO TA HOAN	P1	19-20	2	16		75	XAYLAP	Vietnamese
8	LE VAN LOI	P1	21-22	2	12		60	XAYLAP	Vietnamese
9	DOAN VAN GIAP	P1	17-18	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN QUANG TU	VSP02	02	1	7		74	DUY LINH	Vietnamese
11	DOAN HIEP THO	VSP02	07	1	6	17	72	DUY LINH	Vietnamese
12	TRAN NGOC TRUNG	VSP02	05	1	15		65	DUY LINH	Vietnamese
13	DANG VAN HUNG	VSP02	04	1	7		80	DUY LINH	Vietnamese
14	VU VAN THANH	VSP02	03	1	5	55	57	DUY LINH	Vietnamese
15	VO QUANG HA	VSP02	06	1	15		70	DUY LINH	Vietnamese
16	HOANG CONG LINH	VSP02	01	1	8		58	DUY LINH	Vietnamese
17	NGUYEN ANH DAO	VSP02	08	1	10		73	DUY LINH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

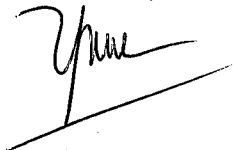
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	9	14	121	649	43	9		
2	VSP02	8	8	73	549	72	9		
3	RP1	0	0	0	0	25	2		
TOTAL		17	22	194	1.198	140	20		
WEIGHT KG				194	1.198	140			

GRAND TOAL: 1.532 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

